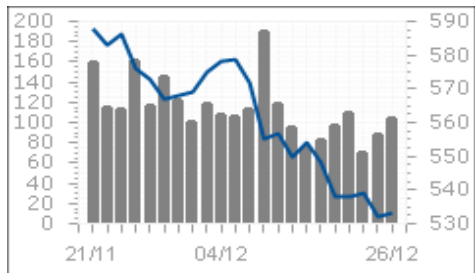


HOSE

26/12/2014

VNINDEX	533.37	1.36	0.26%
KLGD	105,314,366	CP	
GTGD	1,789.58	Tỷ	
GTR NDTNN	130.26	Tỷ	
CP Tăng giá	59	CP	
CP Giảm giá	168	CP	
CP Đứng giá	77	CP	



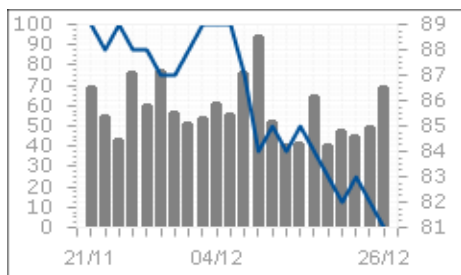
Tâm điểm

- ▶ Nhờ nỗ lực của các cổ phiếu lớn, thị trường tìm được điểm cân bằng
- ▶ Thanh khoản gia tăng nhưng dòng tiền vào thị trường vẫn thận trọng
NĐT Nước ngoài vẫn tiếp tục mua trên HOSE
- ▶ Lãi suất cho vay ngắn hạn VND sẽ giảm bình quân 1.3%
Xu hướng giảm lãi suất cho vay ngắn hạn VND tiếp tục được kỳ vọng
STOX
- ▶ Sẽ phát hành thêm 1 tỉ USD trái phiếu
BTC sẽ tiếp tục phát hành thêm 1 tỉ USD trái phiếu CP ra thị trường vốn quốc tế
STOX
- ▶ Arab Saudi ước thâm hụt ngân sách 2015 tăng lên 39 tỷ USD do dầu mất giá
Thâm hụt ngân sách năm 2015 sẽ tăng 39 tỷ USD
Bloomberg
- ▶ PVS đạt 2.150 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế năm 2014
Doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2014 của toàn Tổng công ty đạt 30.500,0 tỷ đồng,
DVO/PVS
- ▶ GAS: Năm 2015 đặt kế hoạch tăng 51% VDL lên 28.615 tỷ đồng, LNST 11.340 tỷ
Năm 2015, GAS đặt kế hoạch đạt 69.539 tỷ đồng doanh thu
Gafin

HNX

26/12/2014

HNXINDEX	81.14	-0.91	-1.11%
KLGD	69,317,799	CP	
GTGD	718.22	Tỷ	
GTR NDTNN	4.28	Tỷ	
CP Tăng giá	51	CP	
CP Giảm giá	137	CP	
CP Đứng giá	191	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	582.45	-2.74	-0.47%
HNX30	155.72	-2.83	-1.78%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	961,789	13.0	2.6	17.9%	9.2%
HNX	136,782	13.2	1.7	8.9%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,098,571	13.4	2.5	17.7%	8.8%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,712	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,542	9.3	1.5	17.1%	10.6%
Khai khoáng	35,942	12.3	1.9	22.4%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,341	88.4	6.3	-4.2%	-3.5%
Xây dựng	25,123	13.8	1.5	13.8%	7.6%
Máy công nghiệp	30,368	29.3	1.1	1.6%	2.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,347	8.4	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,364	8.2	1.5	18.7%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,184	10.5	2.8	25.5%	11.0%
Thực phẩm	22,430	10.5	2.0	22.1%	7.6%
Dược phẩm	182,561	23.4	4.4	18.3%	14.1%
Phần mềm	15,485	12.3	2.8	22.4%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	16,302	9.7	2.1	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,128	10.1	1.5	15.6%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	134,865	11.0	3.5	32.3%	21.8%
Môi giới chứng khoán	21,503	17.1	1.8	10.4%	2.2%
Ngân hàng	25,040	10.7	1.3	10.9%	7.5%
Bất động sản	241,532	11.4	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	152,184	14.9	2.4	17.8%	4.6%
	33,128	7.5	1.6	21.9%	9.3%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Lãi suất cho vay ngắn hạn VND sẽ giảm bình quân 1.3%

Sẽ phát hành thêm 1 tỉ USD trái phiếu

Arab Saudi ước thâm hụt ngân sách 2015 tăng lên 39 tỷ USD do dầu mất giá

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

PVS đạt 2.150 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế năm 2014

GAS: Năm 2015 đặt kế hoạch tăng 51% VDL lên 28.615 tỷ đồng, LNST 11.340 tỷ

ITA: Đạt mục tiêu 2015 đầy tham vọng nhờ thu hút đầu tư và bán dự án 276

► Tin kinh tế

Theo kết quả điều tra kỳ vọng lạm phát của các TCTD Tháng 12/2014 của Vụ Dự báo thống kê NHNN, xu hướng giảm lãi suất cho vay ngắn hạn VND tiếp tục được các TCTD kỳ vọng trong năm 2015 với mức giảm bình quân 1.3%. Tuy nhiên, bên cạnh 58% tổ chức tín dụng kỳ vọng như trên vẫn có đến 20% TCTD nhận định mặt bằng lãi suất cho vay ngắn hạn VND có thể tăng trong năm 2015. Tính cả năm 2015, các TCTD kỳ vọng tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5.86%, thấp hơn khoảng 0.34% so với mục tiêu Quốc hội thông qua 6.2% nhưng vẫn cao hơn mức dự báo của các tổ chức tài chính quốc tế như IMF, WB, ADB...

Bộ Tài chính sẽ tiếp tục phát hành thêm 1 tỉ USD trái phiếu chính phủ ra thị trường vốn quốc tế với kỳ hạn 10 năm. Nếu không có gì thay đổi, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục phát hành thêm 1 tỉ USD trái phiếu chính phủ ra thị trường vốn quốc tế với kỳ hạn 10 năm. Mục đích để tái cơ cấu nợ công. Có thể công khai chi phí công tác nước ngoài của các ngành, địa phương. Đó là thông tin được Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng cho biết tại hội nghị tổng kết năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015 của ngành tài chính tổ chức ngày 24-12. Để đảm bảo an toàn nợ công, Bộ Tài chính cho biết trong năm 2015 cơ bản VN sẽ không vay thương mại nước ngoài, lãi suất cao, thời hạn ngắn để sử dụng cân đối cho ngân sách nhà nước.

Arab Saudi dự đoán thâm hụt ngân sách năm 2015 sẽ tăng lên 145 tỷ riyals (39 tỷ USD) khi nước này phải đối mặt với giá dầu thấp nhất 5 năm. Doanh thu của Arab Saudi sẽ giảm xuống 715 tỷ riyal năm 2015 từ 1,046 nghìn tỷ riyal năm 2014, trong khi chi phí dự đoán đạt 860 tỷ riyal, Bộ Tài chính Arab Saudi thông báo trên website hôm nay 25/12. Tổng chi năm 2014 ước đạt 1,1 nghìn tỷ riyal, tăng 29% so với mục tiêu đề ra một năm trước. Thâm hụt ngân sách năm 2014 ước đạt 54 tỷ riyal, theo Bộ Tài chính Arab Saudi. Mức chi tiêu của chính phủ Arab Saudi được dự chi với giá dầu trung bình trên 107 USD/thùng từ cuối năm 2011. Tuy nhiên, hiện giờ giá dầu đã giảm 50%, xuống thấp nhất kể từ 2009.

► Tin doanh nghiệp

Theo tin từ Tổng công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HOSE: mã PVS), doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2014 của toàn Tổng công ty đạt 30.500,0 tỷ đồng, đạt 121% kế hoạch năm, tăng 18% so với thực hiện năm 2013. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.150,0 tỷ đồng, đạt 187,9% kế hoạch năm. Kế hoạch năm 2015 là tổng doanh thu 27.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.300 tỷ đồng, giảm lần lượt là 12% và 40% so với thực hiện năm 2014. Sau khi tăng mạnh lên hơn 45.000 đồng cổ phiếu vào đầu tháng 9/2014, cổ phiếu quay đầu giảm và giảm mạnh cùng với đợt lao dốc của giá dầu gần đây. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 25/12/2014, giá cổ phiếu PVS là 26.100 đồng.

Trong năm 2015, GAS có thêm nguồn khí mới từ Thiên Ưng, Đại Hùng bổ sung vào hệ thống khí Cửu Long trong quý III/2015, sẽ đưa thêm hệ thống khí Tiền Hải – Thái Bình vào hoạt động để cung cấp cho các khách hàng tại khu vực phía Bắc. Năm 2014, GAS đã hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn (TA) tại nhà máy GPP, kho cảng Thị Vải, PM3-Cà Mau đảm bảo an toàn và đưa vào vận hành trước thời hạn. Hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước; sản xuất khí khô, LPG và Condensate từ nguồn Cửu Long trước kế hoạch năm 2 đến 4 tháng. Năm 2015, GAS đặt kế hoạch đạt 69.539 tỷ đồng doanh thu (trong đó công ty mẹ phần đầu đạt 61.998 tỷ đồng doanh thu), LNST đạt 14.164 tỷ đồng, LNST đạt 11.339 tỷ đồng, tỷ suất LNST trên vốn điều lệ 40%, tỷ lệ cổ tức 30%, VDL dự kiến tăng thêm 9.665 tỷ đồng từ 18.950 tỷ lên 28.615 tỷ đồng (51%).

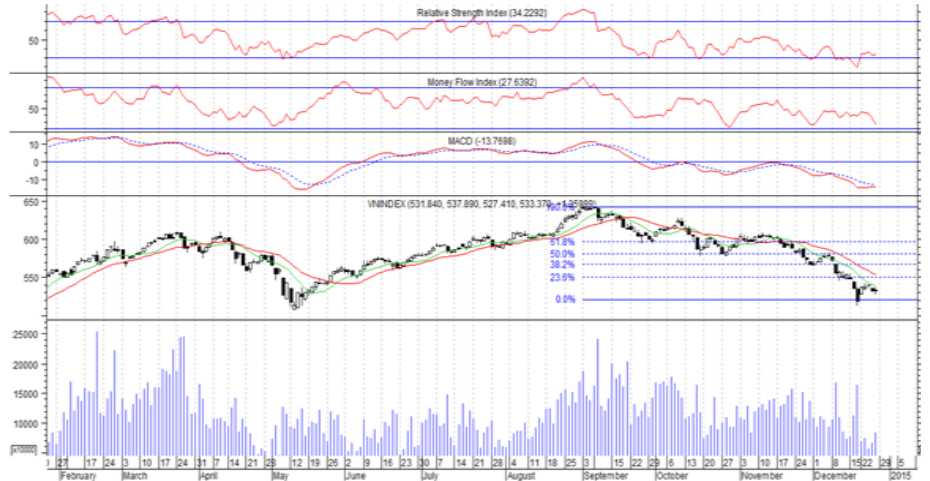
Ban lãnh đạo ITA cho biết, dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2014 vượt 20% so với kế hoạch năm. Tính đến hết tháng 12 năm 2014, riêng KCN Tân Đức đã thu hút 15 dự án đầu tư mới với tổng số vốn đăng ký trên 50 triệu USD. Kết quả này đã giúp ITA hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2014. Trước kết quả kinh doanh đầy khả quan này, năm 2015 Ban lãnh đạo ITA đã đặt ra kế hoạch đầy tham vọng. Cụ thể, doanh thu và lợi nhuận dự kiến tăng từ 2 đến 3 lần so với 2014 và đảm bảo tỷ lệ cổ tức từ 12% đến 15%. ITA cho biết kế hoạch lợi nhuận năm 2015 tăng mạnh do những triển vọng thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp của mình.

HOSE 26/12/2014 VNINDEX 533.37 1.36 0.26% 105,314,366 CP 1,789.58 bil VND

Nhờ nỗ lực của các cổ phiếu lớn, thị trường tìm được điểm cân bằng

- Nền trắng hình thành, tuy nhiên thân nền nhỏ, bóng trên bóng dưới dài so với thân. VN-Index phục hồi song còn nhiều lưỡng lự.
- MACD cho tín hiệu tích cực hơn khi tiến sát và gần như cắt đường tín hiệu.
- RSI (14) tăng nhẹ từ 33.1 lên 34.2 điểm
- VN-Index đã tìm lại điểm cân bằng, song chỉ số dòng tiền MFI vẫn duy trì ở mức thấp.

-Kháng cự: 542-545, Hỗ trợ mạnh: 513-515



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.4 (-4.0%)	7,322,890
OGC	-0.4 (-5.7%)	4,872,440
ITA	-0.2 (-2.6%)	4,857,470
SSI	-0.6 (-2.3%)	4,141,460
HAG	-0.5 (-2.4%)	4,103,880

HOSE Top 5 theo % tăng

KAC	0.8 (7.0%)	10
HOT	1.7 (6.9%)	20
SPM	1.7 (6.8%)	19,660
HTI	0.7 (6.8%)	17,360
HTL	1.8 (6.7%)	20

HOSE Top 5 theo % giảm

PGC	-1.3 (-8.8%)	66,570
DLG	-0.7 (-7.0%)	1,552,050
OPC	-2.7 (-6.9%)	11,490
CIG	-0.2 (-6.9%)	7,210
MCP	-1.1 (-6.9%)	10

HOSE Top 5 Mua ròng NĐTNN

VIC	26,8 tỷ	623,680
VCB	21,8 tỷ	717,520
KDC	20,2 tỷ	415,810
MWG	13,5 tỷ	136,100
PPC	9,3 tỷ	349,820

HOSE Top 5 Bán ròng NĐTNN

HAG	-10,0 tỷ	483,720
VSH	-0,9 tỷ	69,800
SSI	-0,7 tỷ	27,460
FLC	-0,5 tỷ	47,410
TLH	-0,2 tỷ	27,200

GD NĐTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	3,202,760	130.26

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ 1. Diễn biến thị trường: VN-Index giảm điểm đầu phiên sáng và tăng nhanh đến cuối phiên sáng bởi sự hồi phục từ cổ phiếu vốn hóa lớn: GAS, VIC, VCB...
- ▶ Đà tăng đã nhanh chóng giảm dần, chốt phiên chiều VN-Index chỉ tăng nhẹ nhờ các trụ cột vẫn tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ nâng đỡ thị trường.
- ▶ Thanh khoản gia tăng so với phiên hôm qua, nhưng vẫn duy trì ở mức thấp. Tổng KLGD đạt hơn 105.3 triệu đơn vị, tương đương GTGD gần 1.790 tỷ đồng
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: NĐTNN mua ròng mạnh trên HOSE, Giá trị mua ròng đạt 130 tỷ đồng, mua mạnh VIC, VCB, KDC, MWG... và bán ròng HAG, VSH...
- ▶ 3. Nhận định: NĐT vẫn nên thận trọng, duy trì cân bằng giữa tỉ lệ tiền mặt và cổ phiếu trong danh mục, quan sát tín hiệu thị trường rõ ràng hơn.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	70.5	133,597.50	11.2	3.6	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	94.0	94,011.15	16.3	5.2	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	30.8	82,082.63	17.3	1.8	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	46.6	67,782.27	17.2	3.6	21.1%	4.6%
MSN	735.8	81.0	59,600.46	477.2	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	13.7	51,010.64	9.5	0.9	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.8	35,983.39	8.2	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	50.0	24,095.41	7.8	2.1	30.2%	14.7%
BVH	680.5	31.7	21,570.94	17.1	1.8	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	17.5	19,993.95	8.1	1.1	14.3%	1.4%

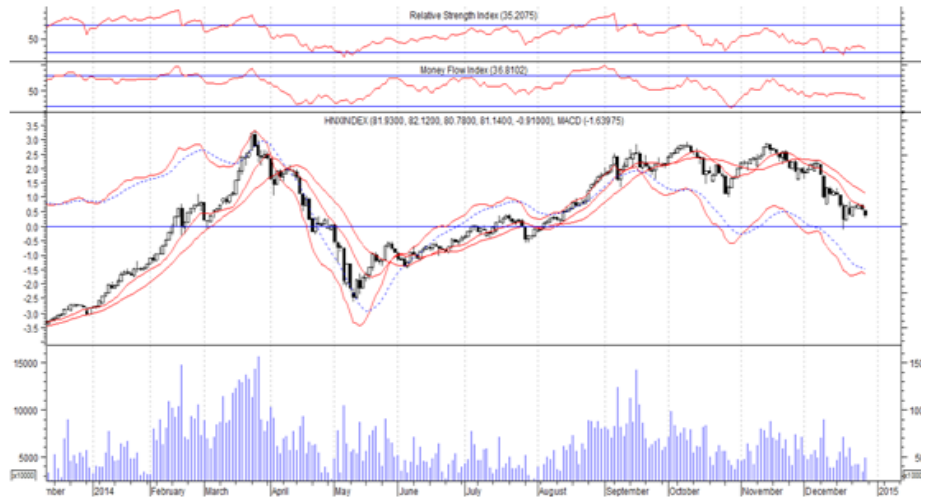
HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.1	742.35	12.6	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	14.6	779.58	23.1	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.6	18.5	2,137.99	6.8	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	72.0	3,274.45	9.1	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.9	722.93	5.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	22.0	607.42	2.0	1.0	NA	TH.DOI

HNX 26/12/2014 HNX-Index 81.14 -0.91 -1.11% 69,317,799 CP 718.22 bil. VND

Nhờ nỗ lực của các cổ phiếu lớn, thị trường tìm được điểm cân bằng

- Nền đen hình thành, tuy nhiên thân nền nhỏ, bóng nên ngắn. HNX Index giảm điểm tuy đã giảm cuối phiên được thu hẹp.
- MACD cho tín hiệu tích cực hơn khi tiến sát và gần như cắt đường tín hiệu.
- RSI (14) giảm từ mức 37.8 xuống mức 35.2 điểm
- Chỉ số dòng tiền MFI vẫn duy trì ở mức thấp tăng nhẹ từ 35.4 lên 36.8 điểm.
- Kháng cự vùng 84, Hỗ trợ mạnh vùng 80-81



HNX Top 5	theo KLGD	
PVX	-0.4 (-8.9%)	11,302,490
KLF	-0.7 (-6.7%)	9,406,380
SCR	-0.4 (-4.6%)	3,419,760
PVS	0.2 (0.8%)	1,935,680
FIT	-1.4 (-5.7%)	1,862,870

HNX Top 5	theo % tăng	
CTB	4.5 (14.8%)	-
HDA	1 (12.2%)	-
HGM	5 (10.0%)	17,700
CAN	2.3 (9.9%)	100
NGC	2 (9.7%)	5,800

HNX Top 5	theo % giảm	
NDF	-1.4 (-9.8%)	152,060
SDC	-1.3 (-9.7%)	100
KTS	-1.4 (-9.5%)	100
SIC	-0.7 (-9.5%)	1,000
APG	-0.5 (-9.3%)	139,000

HNX Top 5	Mua ròng NĐTNN	
PVS	2,4 tỷ	91,700
BCC	1,8 tỷ	120,000
SHS	1,3 tỷ	131,200
VND	0,7 tỷ	61,000
SDP	0,6 tỷ	57,200

HNX Top 5	Bán ròng NĐTNN	
HOM	-3,3 tỷ	413,800
VCC	-0,1 tỷ	7,800
KSQ	-0,1 tỷ	15,000
SGH	-0,1 tỷ	800,000
PVC	-0,1 tỷ	2,000

GD NĐTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	91,910	4.28

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ 1. Diễn biến thị trường: Diễn biến trái chiều với Vn_Index, HNX-Index chỉ xanh nhẹ đầu phiên rồi quay đầu giảm điểm bởi các trụ cột PVS, ACB chỉ tăng nhẹ.
- ▶ Phiên chiều tình hình bớt tiêu cực hơn, nhiều mã phục hồi đã thu hẹp đà giảm của HNX_Index giảm 0.91 điểm còn 81.17 điểm.
- ▶ Thanh khoản gia tăng so với phiên hôm qua, nhưng vẫn duy trì ở mức thấp. Tổng KLGD đạt hơn 69.3 triệu đơn vị, tương đương GTGD gần 718 tỷ đồng.
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: NĐTNN mua ròng nhẹ trên HNX đạt 4.28 tỷ giá trị. Mua mạnh ở PVS, BCC, SHS... Bán ròng mạnh ở các mã HOM, VCC, KSQ...
- ▶ 3. Nhận định: NĐT vẫn nên thận trọng, duy trì cân bằng giữa tỉ lệ tiền mặt và cổ phiếu trong danh mục, quan sát tín hiệu thị trường rõ ràng hơn.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.4	14,010.62	25.9	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	26.3	11,748.22	7.0	1.3	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.0	7,088.67	9.0	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	11.6	5,123.84	8.0	0.9	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.8	4,007.82	12.8	0.7	5.1%	1.8%
VNR	131.1	23.2	3,040.96	9.5	1.2	12.8%	5.4%
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.3	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	34.5	2,685.20	7.5	2.1	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.2	1,033.60	6.5	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.5	534.60	5.1	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	12.0	1,859.98	10.5	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.3	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	24.9	1,245.00	6.3	1.4	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.0	307.12	7.4	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	15.22%	81.0	- 477.22	4.24	412,825	301,341	219,078
VIC	HOSE	1,454.6	67,782.27	12.53%	46.6	17.18	3.62	1,030,882	989,855	1,346,162
PVD	HOSE	303.0	19,242.84	11.71%	63.5	7.97	1.73	1,407,519	1,337,851	803,398
HPG	HOSE	481.9	24,095.41	11.57%	50.0	7.78	2.14	466,929	470,998	536,175
HAG	HOSE	789.9	16,192.94	7.45%	20.5	8.82	1.14	2,514,339	3,168,139	3,434,945
KDC	HOSE	255.2	12,451.86	7.00%	48.8	19.82	1.81	986,191	1,000,484	974,131
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	5.69%	17.5	8.12	1.12	3,843,468	2,018,114	882,027
VCB	HOSE	2,665.0	82,082.63	5.16%	30.8	17.33	1.84	1,187,956	962,839	498,558
DPM	HOSE	379.9	11,398.03	4.04%	30.0	9.58	1.25	831,453	935,475	624,466
KBC	HOSE	389.8	5,690.50	2.83%	14.6	13.50	1.09	2,411,266	2,499,460	4,265,590
ITA	HOSE	718.9	5,319.90	2.64%	7.4	44.75	0.69	5,415,235	5,881,083	6,042,126
HSG	HOSE	96.3	4,536.35	1.95%	47.1	11.06	1.91	124,662	125,914	301,257
BVH	HOSE	680.5	21,570.94	1.83%	31.7	17.11	1.80	495,696	321,971	249,128
HVG	HOSE	132.0	3,511.19	1.55%	26.6	12.32	1.49	1,337,875	1,076,458	1,536,321
FLC	HOSE	314.9	2,991.49	1.53%	9.5	5.81	0.82	9,821,154	12,184,594	14,118,097
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	1.47%	27.0	11.58	1.57	944,906	714,396	428,713
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.41%	56.0	13.70	3.31	243,986	191,360	120,551
PVT	HOSE	255.9	3,402.91	1.37%	13.3	12.30	1.19	3,099,903	2,827,855	2,371,355
CSM	HOSE	67.3	2,758.97	1.32%	41.0	7.89	2.16	38,362	44,462	105,472
VSH	HOSE	206.2	2,763.63	1.16%	13.4	18.87	1.02	908,809	583,628	505,569
OGC	HOSE	300.0	1,980.00	0.56%	6.6	12.18	0.64	5,539,158	5,090,692	5,803,510

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	8.53%	81.0	- 477.22	4.24	412,825	301,341	219,078
VIC	HOSE	1,454.6	67,782.27	7.57%	46.6	17.18	3.62	1,030,882	989,855	1,346,162
VCB	HOSE	2,665.0	82,082.63	7.13%	30.8	17.33	1.84	1,187,956	962,839	498,558
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	6.62%	17.5	8.12	1.12	3,843,468	2,018,114	882,027
PVS	HNX	446.7	11,748.22	5.75%	26.3	7.03	1.34	3,604,213	3,640,469	2,718,202
BVH	HOSE	680.5	21,570.94	4.51%	31.7	17.11	1.80	495,696	321,971	249,128
DPM	HOSE	379.9	11,398.03	4.25%	30.0	9.58	1.25	831,453	935,475	624,466
HAG	HOSE	789.9	16,192.94	4.04%	20.5	8.82	1.14	2,514,339	3,168,139	3,434,945
PVD	HOSE	303.0	19,242.84	3.90%	63.5	7.97	1.73	1,407,519	1,337,851	803,398
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	3.14%	27.0	11.58	1.57	944,906	714,396	428,713
ITA	HOSE	718.9	5,319.90	3.29%	7.4	44.75	0.69	5,415,235	5,881,083	6,042,126
FLC	HOSE	314.9	2,991.49	2.85%	9.5	5.81	0.82	9,821,154	12,184,594	14,118,097
SHB	HNX	886.1	7,088.67	2.54%	8.0	8.98	0.70	4,168,336	4,077,719	3,908,664
VCG	HNX	441.7	5,123.84	2.12%	11.6	7.95	0.93	1,486,849	1,754,907	1,482,906
PVT	HOSE	255.9	3,402.91	1.78%	13.3	12.30	1.19	3,099,903	2,827,855	2,371,355
OGC	HOSE	300.0	1,980.00	143.00%	6.6	12.18	0.64	5,539,158	5,090,692	5,803,510
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.00%	56.0	13.70	3.31	243,986	191,360	120,551
IJC	HOSE	274.2	3,537.11	0.65%	12.9	21.36	1.25	542,079	680,420	652,049
PVX	HNX	400.0	1,640.00	0.00%	4.1	- 1.97	1.95	3,520,419	4,166,446	5,828,816

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	67,782.27	0.00%	46.6	17.18	3.62	1,030,882	989,855	1,346,162
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	0.00%	81.0	-477.22	4.24	412,825	301,341	219,078
DPM	HOSE	379.9	11,398.03	0.00%	30.0	9.58	1.25	831,453	935,475	624,466
HAG	HOSE	789.9	16,192.94	0.00%	20.5	8.82	1.14	2,514,339	3,168,139	3,434,945
VCB	HOSE	2,665.0	82,082.63	0.00%	30.8	17.33	1.84	1,187,956	962,839	498,558
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	0.00%	17.5	8.12	1.12	3,843,468	2,018,114	882,027
BVH	HOSE	680.5	21,570.94	0.00%	31.7	17.11	1.80	495,696	321,971	249,128
CTG	HOSE	3,723.4	51,010.64	0.00%	13.7	9.46	0.94	172,616	252,940	249,679
GAS	HOSE	1,895.0	133,597.50	0.00%	70.5	11.17	3.64	680,418	742,074	519,818

Công ty quản lý	Royal Bank of Scotland	Ngày lập quỹ	19/09/2011	SLCKVN	9/142
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier Markets Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	4.01%	81.0	-477.22	4.24	412,825	301,341	219,078
VIC	HOSE	1,454.6	67,782.27	2.27%	46.6	17.18	3.62	1,030,882	989,855	1,346,162
PVD	HOSE	303.0	19,242.84	4.39%	63.5	7.97	1.73	1,407,519	1,337,851	803,398
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	0.89%	17.5	8.12	1.12	3,843,468	2,018,114	882,027
VCB	HOSE	2,665.0	82,082.63	1.28%	30.8	17.33	1.84	1,187,956	962,839	498,558
BVH	HOSE	680.5	21,570.94	1.79%	31.7	17.11	1.80	495,696	321,971	249,128

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ	12/09/2012	SLCKVN	6/102
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier 100 Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	MSCI VN Investable Market Indx	Ngày lập chỉ số	01/12/2010	TGTTSQL	4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,712	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,542	9.3	1.5	17.1%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,689	14.3	0.9	5.7%	2.3%
Sản xuất giấy	861	6.2	1.0	14.4%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,942	12.3	1.9	22.4%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,982	3.6	1.0	21.8%	5.2%
Khai khoáng	12,341	88.4	6.3	-4.2%	-3.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,123	13.8	1.5	13.8%	7.6%
Xây dựng	30,368	29.3	1.1	1.6%	2.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,172	9.4	1.1	15.9%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	956	6.3	1.0	17.0%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,636	8.0	1.5	18.8%	6.6%
Thiết bị điện	2,073	31.9	1.3	3.0%	0.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	72	23.6	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,347	8.4	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,478	2.9	0.9	4.8%	1.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,364	8.2	1.5	18.7%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,634	5.7	1.5	23.2%	13.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,516	17.8	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	236	12.2	0.7	7.1%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	198	9.0	1.0	12.9%	5.0%
Chất thải & Môi trường	215	3.3	1.0	33.4%	15.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,251	13.4	1.3	14.8%	7.3%
Lốp xe	8,184	10.5	2.8	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,790	7.9	1.4	17.9%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	318	16.0	2.2	14.8%	9.9%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	22,430	10.5	2.0	22.1%	7.6%
Thực phẩm	182,561	23.4	4.4	18.3%	14.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	66	18.6	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,769	7.5	1.3	18.8%	9.0%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	547	65.9	1.4	2.5%	1.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,518	8.0	1.6	19.4%	7.6%
Giày dép	11	1.6	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,359	10.7	2.0	18.7%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	697	10.3	1.1	1.9%	4.8%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,834	9.1	1.0	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	218	9.3	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,485	12.3	2.8	22.4%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	246	39.1	0.8	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	733	10.2	1.2	13.9%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,736	9.5	1.7	19.3%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,151	9.4	1.0	9.9%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,633	55.2	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,452	19.6	1.3	10.1%	8.4%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,632	17.7	3.4	23.4%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	726	10.8	0.9	8.9%	3.3%
Internet	377	79.5	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,302	9.7	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	474	16.2	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,551	36.1	7.3	34.4%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,128	10.1	1.5	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	134,865	11.0	3.5	32.3%	21.8%
Nước	1,211	6.5	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,417	8.4	1.0	11.1%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,742	11.5	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,041	9.5	1.2	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	21,503	17.1	1.8	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,515	9.0	1.3	15.9%	10.5%
Môi giới chứng khoán	25,040	10.7	1.3	10.9%	7.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	241,532	11.4	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	152,184	14.9	2.4	17.8%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	33,128	7.5	1.6	21.9%	9.3%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.